

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8043 /QĐ-UBND

Thanh Oai, ngày 18 tháng 11 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước kinh phí tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định do chuyển đến, tuyển mới, chuyển đi, nghỉ hưu năm 2024, kinh phí thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ cho các trường Mầm Non, Tiểu học, Trung học cơ sở công lập thuộc huyện quản lý

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/7/2023 của HĐND Thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu đối với Hợp đồng lao động đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc lĩnh vực giáo dục và y tế năm 2023 theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản số 2185/UBND-NC ngày 14/7/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thực hiện quy định hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Văn bản số 5097/STC-QLNS ngày 23/8/2024 của Sở Tài chính Hà Nội hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

*le*



Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Thanh Oai về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách huyện và phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 13268/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Thanh Oai về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2024 của huyện Thanh Oai;

Căn cứ Quyết định số 8025/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 của UBND huyện Thanh Oai về việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách Huyện Thanh Oai năm 2024;

Căn cứ Văn bản số 2869/UBND-NV ngày 18/12/2023 của UBND huyện Thanh Oai về việc ký kết hợp đồng lao động chuyên môn, nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản 1819/UBND-TCKH ngày 08/7/2024 của UBND huyện Thanh Oai về việc thực hiện mức lương cơ sở mới đối với cán bộ, công chức, viên chức từ ngày 01/7/2024;

Căn cứ Văn bản số 2455/UBND-TCKH ngày 30/8/2024 của UBND huyện Thanh Oai về việc hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.

Căn cứ vào các Quyết định luân chuyển, điều động, tuyển mới cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong định mức theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, cán bộ nghỉ hưu năm 2024 của các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, công lập thuộc huyện quản lý.

Theo đề nghị của các trường học công lập thuộc huyện quản lý và đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 49/TTr-TCKH ngày 14/11/2024 Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 để thực hiện kinh phí tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định do chuyển đến, tuyển mới, chuyển đi, nghỉ hưu năm 2024, kinh phí thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ của các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, công lập thuộc huyện quản lý.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 kinh phí tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định do chuyển đến, tuyển mới, chuyển đi, nghỉ hưu năm 2024, kinh phí thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ cho các trường học công lập thuộc huyện quản lý. Chi tiết:

1. Tổng kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định do chuyển đến, tuyển mới năm 2024: 7.927.000.000 đồng.

2. Tổng kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định do chuyển đi, nghỉ hưu năm 2024: -15.102.000.000 đồng.

*le*

3. Chênh lệch kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định do chuyển đi, chuyển đến, tuyển mới, nghỉ hưu năm 2024: -7.175.000.000 đồng.

4. Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022: 12.251.000 đồng

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

**Nguồn kinh phí:** Tại Quyết định số 13268/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Thanh Oai:

- Từ sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 5.224.000.000 đồng (Thu hồi nộp trả ngân sách cấp huyện chênh lệch kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định do chuyển đi, chuyển đến, tuyển mới, nghỉ hưu năm 2024).

- Từ nguồn kinh phí CCTL cấp huyện: 1.951.000.000 đồng (Thu hồi nộp trả ngân sách cấp huyện chênh lệch kinh phí chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ quy định do chuyển đi, chuyển đến, tuyển mới, nghỉ hưu năm 2024).

- Từ sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 12.251.000 đồng (bổ sung kinh phí thực hiện hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022).

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

Giao phòng Tài chính – Kế hoạch: Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn công tác thanh quyết toán.

Các trường học công lập thuộc huyện quản lý được cấp bổ sung dự toán kinh phí: Thực hiện tiếp nhận, sử dụng nguồn kinh phí được Ngân sách bổ sung đúng mục đích, đúng chế độ, không được sử dụng cho các mục đích khác; sử dụng nguồn hợp pháp khác của đơn vị để thực hiện chi trả kịp thời cho các đối tượng theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Các trường học công lập thuộc huyện quản lý nộp trả ngân sách cấp huyện kinh phí: Có trách nhiệm thanh, quyết toán thực hiện theo Luật Ngân sách và chế độ Nhà nước quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, THCS công lập thuộc huyện quản lý; Giám đốc Kho bạc nhà nước huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, TCKH (Ngân, 78).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Sáng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI

Biểu số 04

TỔNG HỢP KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THEO QUY ĐỊNH DO CHUYỂN ĐI,  
CHUYỂN ĐẾN, TUYỂN MỚI, NGHỈ HỮU KHỎI TRƯỜNG HỌC  
CÔNG LẬP THUỘC HUYỆN QUẢN LÝ NĂM 2024



(Kèm theo Quyết định số 8043/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND huyện Thanh Oai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Chênh lệch kinh phí chuyển đến, chuyển đi	Kinh phí chuyển đến		Kinh phí chuyển đi		Nguồn kinh phí thường xuyên tự chủ (13)	Nguồn CCTL ngân sách cấp huyện	Tổng cộng
			Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HD trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 1.800.000- 2.340.000 HD trong biên chế	Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HD trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 1.800.000- 2.340.000 biên chế			
A	B	1=2+3-5-6	2	3	5	6	7=2-5	8=3-6	10=7+8
1	Mâm non	-1.805	1.154	301	2.420	840	-1.266	-539	-1.805
2	Tiểu học	-2.780	2.154	781	4.280	1.435	-2.126	-654	-2.780
3	Trung học cơ sở	-2.590	2.600	937	4.432	1.695	-1.832	-758	-2.590
	<b>Cộng</b>	<b>-7.175</b>	<b>5.908</b>	<b>2.019</b>	<b>11.132</b>	<b>3.970</b>	<b>-5.224</b>	<b>-1.951</b>	<b>-7.175</b>

UỶ BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI

**TỔNG HỢP KINH PHÍ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH 111/2022/ND-CP NGÀY 30/12/2022 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Quyết định số 8043/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND huyện Thanh Oai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khối: Tiểu học	Số tháng	Số tiền thanh toán/tháng cho người lao động theo HĐLĐ (đồng/tháng)	Các khoản đóng góp 23,5% BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tổng kinh phí
A	B	1	2	3	4
1	Liên Châu	2	4.960	1.166	12.251
	<b>Cộng</b>		<b>4.960</b>	<b>1.166</b>	<b>12.251</b>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI

Biểu số 01

TỔNG HỢP KINH PHÍ TIỀN ĐƯƠNG, PHỤ CẤP, CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THEO QUY ĐỊNH DO CHUYỂN ĐI,  
CHUYỂN ĐẾN, TUYỂN MỚI, NGHĨ HỮU KHỎI TRƯỜNG MẦM NON  
CÔNG LẬP THUỘC HUYỆN QUẢN LÝ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 8043/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND huyện Thanh Oai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khởi Mầm non	Chênh lệch kinh phí chuyển đến, chuyển đi	Kinh phí chuyển đến		Kinh phí chuyển đi		Nguồn kinh phí thường xuyên tự chủ (13)	Nguồn CCTL ngân sách cấp huyện	Tổng cộng
			Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HD trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 biên chế	Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HD trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 biên chế			
A	B	1=2+3-5-6	2	3	5	6	7=2-5	8=3-6	10=7+8
1	Cự Khê	-71	190	0	178	83	12	-83	-71
2	Bích Hòa	-220	69	39	223	105	-154	-66	-220
3	Bình Minh I	-34	0	0	22	12	-22	-12	-34
4	Bình Minh II	126	168	66	69	39	99	27	126
5	Thanh Cao	0					0	0	0
6	Cao Viên	42	88	14	38	22	50	-8	42
7	Cao Viên II	0					0	0	0
8	Tam Hưng A	-115	68	0	121	62	-53	-62	-115
9	Tam Hưng B	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Thanh Thùy	37	138	42	101	42	37	0	37

STT	Khối Mâm non	Chênh lệch kinh phí chuyển đến, chuyển đi	Kinh phí chuyển đến		Kinh phí chuyển đi		Nguồn kinh phí thường xuyên tự chủ (13)	Nguồn CCTL ngân sách cấp huyện	Tổng cộng
			Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HD trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 biên chế	Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HD trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 biên chế			
A	B	1=2+3-5-6	2	3	5	6	7=2-5	8=3-6	10=7+8
11	Mỹ Hưng	-31	55	26	74	38	-19	-12	-31
12	Thanh Mai	-226	0	0	214	12	-214	-12	-226
13	Kim An	-200	20	12	182	50	-162	-38	-200
14	Kim Thư	-229	94	23	239	107	-145	-84	-229
15	Phương Trung I	-105	27	0	132	0	-105	0	-105
16	Phương Trung II	-17	0	0	11	6	-11	-6	-17
17	Cao Dương	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Cao Dương II	13	81	0	68	0	13	0	13
19	Xuân Dương	-70	22	12	66	38	-44	-26	-70
20	Dân Hòa	-102	0	0	90	12	-90	-12	-102
21	Hồng Dương	0					0	0	0
22	Đỗ Động	-252	74	42	250	118	-176	-76	-252
23	Tân Ước	-70	0	0	54	16	-54	-16	-70
24	Thanh Văn	-37	16	0	34	19	-18	-19	-37
25	Liên Châu	-196	0	0	160	36	-160	-36	-196
26	Thị trấn Kim Bài	-48	44	25	94	23	-50	2	-48
	<b>Cộng</b>	<b>-1.805</b>	<b>1.154</b>	<b>301</b>	<b>2.420</b>	<b>840</b>	<b>-1.266</b>	<b>-539</b>	<b>-1.805</b>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI

Biểu số 03

TỔNG HỢP KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THEO QUY ĐỊNH DO CHUYỂN ĐI,  
CHUYỂN ĐẾN, TUYÊN MỜI, NGHỈ HỮU KHỎI TRƯỜNG TIỂU HỌC  
CÔNG LẬP THUỘC HUYỆN QUẢN LÝ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 8043/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND huyện Thanh Oai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khối tiểu học	Chênh lệch kinh phí chuyển đến, chuyển đi	Kinh phí chuyển đến		Kinh phí chuyển đi		Nguồn kinh phí thường xuyên tự chủ (13)	Nguồn CCTL ngân sách cấp huyện	Tổng cộng
			Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HĐ trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 biên chế	Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HĐ trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 biên chế			
A	B	$I=2+3-5-6$	2	3	5	6	7=2-5	8=3-6	$10=7+8$
1	Cự Khê	256	265	74	53	30	212	44	256
2	Bích Hòa	-	84	33	104	60	-	27	47
3	Bình Minh A	151	117	34			117	34	151
4	Bình Minh B	18	156		124	14	32	14	18
5	Thanh Cao	-	11	6	252	76	-	70	311
6	Cao viên I	-	111	63	182	104	-	41	112
7	Cao viên II	-	144	27	141	55	3	28	25
8	Tam Hưng	16	78	44	91	15	-	29	16
9	Thanh Thùy	-	27	15	195	56	-	41	209
10	Mỹ Hưng	-	87	37	618	214	-	177	708



STT	Khối tiêu học	Chênh lệch kinh phí chuyển đến, chuyển đi	Kinh phí chuyển đến		Kinh phí chuyển đi		Nguồn kinh phí thường xuyên tự chủ (13)	Nguồn CCTL ngân sách cấp huyện	Tổng cộng
			Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HD trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 biên chế	Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HD trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 biên chế			
A	B	I=2+3-5-6	2	3	5	6	7=2-5	8=3-6	10=7+8
11	Thanh Mai	- 24	91	51	146	20	- 55	31	- 24
12	Kim An	- 191	54	29	175	99	- 121	- 70	- 191
13	Kim Thụ	- 27	234	106	256	111	- 22	- 5	- 27
14	Phương Trung I	- 264	192	75	401	130	- 209	- 55	- 264
15	Phương Trung II	- 92			59	33	- 59	- 33	- 92
16	Cao Dương	-							
17	Xuân Dương	-							
18	Dân Hòa	- 189	24		177	36	- 153	- 36	- 189
19	Hồng Dương	- 315	189	65	425	144	- 236	- 79	- 315
20	Đỗ Động	- 329	125	49	396	107	- 271	- 58	- 329
21	Tân Ước	- 50			32	18	- 32	- 18	- 50
22	Thanh Văn	-							
23	Liên Châu	- 63	137	57	202	55	- 65	2	- 63
24	Thị trấn Kim Bài	- 265	28	16	251	58	- 223	- 42	- 265
	<b>Cộng</b>	- 2.780	2.154	781	4.280	1.435	- 2.126	- 654	- 2.780

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH OAI

Biểu số 03

TỔNG HỢP KINH PHÍ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP, CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THEO QUY ĐỊNH DO CHUYỂN ĐI,  
CHUYỂN ĐẾN, TUYỂN MỚI, NGHỈ HƯU KHỎI TRƯỜNG THCS  
CÔNG LẬP THUỘC HUYỆN QUẢN LÝ NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 8043/QĐ-UBND ngày 18/11/2024 của UBND huyện Thanh Oai)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khối THCS	Chênh lệch kinh phí chuyển đến, chuyển đi	Kinh phí chuyển đến		Kinh phí chuyển đi		Nguồn kinh phí thường xuyên tự chủ (13)	Nguồn CCTL ngân sách cấp huyện	Tổng cộng
			Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HĐ trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 HĐ trong biên chế	Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HĐ trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 HĐ trong biên chế			
A	B	1=2+3-5-6	2	3	5	6	7=2-5	8=3-6	10=7+8
1	Cự Khê	-46	131	44	144	77	-13	-33	-46
2	Bích Hòa	0					0	0	0
3	Bình Minh	-215	120	32	247	120	-127	-88	-215
4	Thanh Cao	-37	76	43	99	57	-23	-14	-37
5	Cao Viên	-613	79	45	514	223	-435	-178	-613
6	Tam Hưng	-2	267	76	243	102	24	-26	-2
7	Thanh Thùy	-23	167	65	198	57	-31	8	-23
8	Mỹ Hưng	-174	69	0	175	68	-106	-68	-174
9	Thanh Mai	-130	115	32	177	100	-62	-68	-130

STT	Khối THCS	Chênh lệch kinh phí chuyển đến, chuyển đi	Kinh phí chuyển đến		Kinh phí chuyển đi		Nguồn kinh phí thường xuyên tự chủ (13)	Nguồn CCTL ngân sách cấp huyện	Tổng cộng
			Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HD trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 biên chế	Mức lương 1.490.000- biên chế, 1.800.000- 2.340.000 HD trong biên chế	Chênh lệch mức lương cơ sở từ 1.490.000- 1.800.000- 2.340.000 biên chế			
A	B	1=2+3-5-6	2	3	5	6	7=2-5	8=3-6	10=7+8
10	Kim An	7	97	0	77	13	20	-13	7
11	Kim Thu	0					0	0	0
12	Phuong Trung	123	189	102	130	38	59	64	123
13	Cao Duong	-327	245	102	500	174	-255	-72	-327
14	Xuan Duong	-9	270	55	232	102	38	-47	-9
15	Nguyễn Đức Lượng	-328	221	90	471	168	-250	-78	-328
16	Hồng Dương	-300	68	39	327	80	-259	-41	-300
17	Đỗ Động	26	58	26	58	0	0	26	26
18	Tân Ước	-354	119	37	399	111	-280	-74	-354
19	Thanh Văn	70	131	74	86	49	45	25	70
20	Liên Châu	-258	178	75	355	156	-177	-81	-258
21	Nguyễn Trục - Thị trấn Kim Bài	0			0		0	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>-2.590</b>	<b>2.600</b>	<b>937</b>	<b>4.432</b>	<b>1.695</b>	<b>-1.832</b>	<b>-758</b>	<b>-2.590</b>